TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2019.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Thái.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Nguyễn Văn Cư.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa:

-*Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Bé T, sinh năm: 1988.

Hộ khẩu thường trú: xã L, huyện C, tỉnh Long An.

-*Bị đơn*: Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1976.

Cư trú tại: xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bà Huỳnh Thị Bé T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trần Thanh H được tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2011, tại Ủy ban nhân dân xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cải vã nhau.

Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Trần Thanh H.

Về con chung: Bà và ông H có với nhau một người con chung tên Trần Thị Mai T, sinh ngày 08/9/2011, từ trước đến nay bà trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, ông H được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Trần Thanh H là bị đơn theo xác nhận của Công an xã Long Trì ngày 04/10/2018, ông H hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án nhiều lần tống đạt trực tiếp các thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông H nhưng ông H vắng mặt không lý do, do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Trần Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Thị Bé T xin ly hôn với ông Trần Thanh H, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết.

[2] Bà Huỳnh Thị Bé T và ông Trần Thanh H được tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2011, tại Ủy ban nhân dân xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo bà Huỳnh Thị Bé T sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cải vã nhau. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin ly hôn với ông H. Đối với ông Trần Thanh H hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông H, nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do, đã thể hiện ý thức không hợp tác của ông H. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Huỳnh Thị Bé T được ly hôn với ông Trần Thanh H, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Nguyên đơn khai trình hai đương sự có với nhau một người con chung tên Trần Thị Mai T, sinh ngày 08/9/2011, từ trước đến nay bà T trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung, không yêu cầu

ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của con chung của hai đương sự nên chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra. Ông H được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Bé T được ly hôn với ông Trần Thanh H.

2. Về con chung: Khi ly hôn bà Huỳnh Thị Bé T được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Trần Thị Mai T, sinh ngày 08/9/2011, đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con, được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Cho chuyển số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Bé T đã nộp là 300.000 đồng sang khoản án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0001012 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Thái